

## BÁO CÁO KẾT QUẢ

### Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới của ngành Ngân hàng Hà Tĩnh Quý 2/2014

Kính gửi:

- Trưởng ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG XDNTM;
- Văn phòng Điều phối thực hiện Chương trình MTQG XDNTM.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới (gọi tắt là CT MTQG XDNTM), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh (viết tắt NHNN tỉnh) báo cáo tình hình triển khai thực hiện của ngành Ngân hàng trong việc cung ứng vốn tín dụng đối với 235 xã xây dựng nông thôn mới (XDNTM) trên địa bàn tỉnh Quý 2/2014 như sau:

#### I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN:

##### 1. Các hoạt động chỉ đạo, điều hành trong Quý 2/2014:

###### 1.1. Các hoạt động chỉ đạo các TCTD trên địa bàn:

- Trong quý, NHNN tỉnh tiếp tục chỉ đạo các TCTD trên địa bàn thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các văn bản, cơ chế chính sách liên quan đến CT MTQG XDNTM.
- Phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra kết quả cho vay HTLS 4%/năm đến thời điểm 31/12/2013 theo QĐ số 03/2013/QĐ-UBND và QĐ số 07/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh và chỉ đạo các TCTD tạm ứng số tiền lãi phải hỗ trợ để kịp thời chi trả cho khách hàng. Đến nay, NHCT HT đã ứng 100% số tiền lãi phải hỗ trợ đến thời điểm 31/12/2013, NHNT HT và NHNoHT đã ứng 100% số tiền lãi phải hỗ trợ đến 31/3/2014 và NHĐT HT đã ứng 100% số tiền lãi phải hỗ trợ đến 30/4/2014.
- Chỉ đạo NHNo&PTNT tỉnh chỉ đạo các ngân hàng cấp huyện chủ động tham mưu cho Ban chỉ đạo XDNTM huyện tổ chức tổng kết kết quả cho vay theo QĐ 26 và QĐ 09 của UBND tỉnh theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo XDNTM tỉnh.

###### 1.2. Tham mưu, góp ý cơ chế chính sách; ban hành văn bản hướng dẫn và tình hình thực hiện các ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh liên quan đến nông thôn mới:

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 Ban hành quy định về việc thực hiện HTLS vay vốn tại các TCTD để phát triển sản xuất từ nguồn vốn CT MTQG XDNTM trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Đồng thời NHNN tỉnh đã ban hành văn bản số 106/NHNN-HT14 ngày 10/6/2014 hướng dẫn một số nội dung về cho vay HTLS theo Quyết định 23/2014/QĐ-UBND. Quyết định 23/2014/QĐ-UBND và văn bản 106/NHNN-HT14 đã kịp thời được sao gửi đến các TCTD trên địa bàn và các đơn vị liên quan, đồng thời được đăng tải trên trang website của NHNN tỉnh để triển khai thực hiện.

- Ban hành văn bản số 25/NHNN-HT14 ngày 05/3/2014 hướng dẫn thực hiện một số nội dung về cho vay HTLS từ nguồn ngân sách tỉnh theo Quyết định số 03/2013/QĐ-



UBND ngày 17/01/2013 và Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 của UBND tỉnh.

- Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn số 2132/UBND-TH ngày 23/5/2014 về việc triển khai chương trình cho vay thí điểm trong sản xuất nông nghiệp, NHNN tỉnh đã phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh tổ chức họp với Tổng công ty Khoáng sản & thương mại HT và các công ty con để lựa chọn 02 dự án tham gia chương trình cho vay thí điểm. Trên cơ sở đề xuất của NHNN tỉnh và Sở NNo&PTNT, UBND tỉnh đã ban hành công văn số 2369/UBND-TH ngày 06/6/2014 lựa chọn TCT Khoáng sản và TM HT (với dự án trồng rau, củ quả trên đất cát) và CT TNHH MTV giống và vật tư nông nghiệp Mittraco (với dự án sản xuất nhân giống lúa nguyên chủng) để tham gia chương trình cho vay thí điểm trong SX nông nghiệp của NHNN VN và Bộ NNo&PTNT.

- Thực hiện góp ý dự thảo chính sách Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gửi Sở Nông nghiệp&PTNT theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn số 2363/UBND-NL ngày 06/6/2014.

### **1.3. Hoạt động tiếp xúc cử tri:**

- NHNN tỉnh đã thực hiện nghiêm túc Quy chế phối hợp cung cấp thông tin giữa NHNN tỉnh với Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh. Chủ động làm việc với Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh để nắm lịch tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIII. Trên cơ sở lịch tiếp xúc cử tri, đã phân công các TCTD và trực tiếp tham gia các cuộc tiếp xúc cử tri của Đoàn ĐBQH Hà Tĩnh (tham gia 100% các buổi tiếp xúc cử tri). Kết thúc đợt tiếp xúc cử tri, Chi nhánh đã có báo cáo nhanh số 315/NHNN-HTI4 ngày 05/5/2014, báo cáo kết quả tham gia các cuộc tiếp xúc cử tri của Đoàn ĐBQH tỉnh và trả lời các ý kiến thuộc thẩm quyền của Chi nhánh; Đồng thời, sau khi có báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị, đề xuất của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Trung ương của Đoàn ĐBQH tỉnh tổng hợp gửi Ban dân nguyện (có 02 ý kiến có liên quan đến chính sách tín dụng), Chi nhánh đã có báo cáo số 329/NHNN-HTI4 ngày 12/5/2014 gửi Thường trực UBND tỉnh và Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh và đã tổng hợp kết quả thực hiện đợt tiếp xúc cử tri cùng với Đoàn ĐBQH tỉnh tại văn bản 331/NHNN-HTI4 ngày 14/5/2014 gửi NHNN VN, Đoàn ĐBQH tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh.

- Tiếp tục nắm lịch tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thứ 9, HĐND tỉnh khóa XVI để phân công các TCTD tham dự 100% các buổi tiếp xúc cử tri cùng với các Tổ Đại biểu HĐND tỉnh. Theo đó, các Tổ ĐB HĐND tỉnh sẽ tiếp xúc cử tri tại 12 huyện, thị, thành phố trong tỉnh, đợt tiếp xúc cử tri sẽ diễn ra từ ngày 18/6/2014 đến ngày 26/6/2014.

**1.4. Công tác thông tin, tuyên truyền:** Trong quý, NHNN tỉnh đã phối hợp với Văn phòng điều phối NTM tỉnh và UBND huyện Thạch Hà thực hiện tuyên truyền nội dung của Quyết định 23/2014/QĐ-UBND đến các TCTD và các thành phần kinh tế tại địa bàn huyện Thạch Hà.

**1.5. Công tác tài trợ, đỡ đầu xã Cẩm Lạc:** Tiếp tục giúp đỡ xã Cẩm Lạc XDNTM theo kế hoạch đã đề ra; Phối hợp với các đơn vị đồng tài trợ thực hiện các hoạt động tài trợ, đỡ đầu xã Cẩm Lạc XDNTM. Chủ trì cùng với xã tổ chức sơ kết 3 năm thực hiện công tác tài trợ, đỡ đầu XDNTM. Sau 3 năm NHNN tỉnh và các TCTD trên địa bàn đồng hành cùng với xã Cẩm Lạc XDNTM, xã đã hoàn thành 13/19 tiêu chí, trong đó đơn



vị đỡ đầu đã hỗ trợ đặc lực cho xã hoàn thành 3 tiêu chí đó là nhà ở dân cư, Bưu điện, hình thức tổ chức sản xuất. Đến thời điểm báo cáo NHNN tỉnh và các TCTD đã hỗ trợ cho xã khoảng 310 triệu đồng, góp phần giúp xã hoàn thành các tiêu chí và về đích đúng lộ trình.

## **2. Kết quả cung ứng vốn tín dụng đối với 235 xã XDNTM trên địa bàn (kèm theo biểu 01, biểu 02 và biểu 03)**

Bắt đầu từ số liệu tháng 5/2014, NHNN tỉnh tổng hợp kết quả cho vay xây dựng nông thôn mới của các TCTD trên địa bàn theo nhóm 19 xã thí điểm đến năm 2014, nhóm 22 xã thí điểm đến năm 2015 (theo Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 10/3/2014 của UBND tỉnh) và nhóm các xã còn lại.

- Qua tổng hợp báo cáo của các NHTM, NHCSXH và các QTDND cơ sở, đến 31/5/2014 của 235 xã trên địa bàn tỉnh:

+ DSCV, DSTN lũy kế từ đầu năm đến 31/5/2014: DSCV: 4.953,67 tỷ đồng, DSTN: 4.563,58 tỷ đồng.

+ Dự nợ cho vay đối với 235 xã đến 31/5/2014 là 11.256,07 tỷ đồng (trong đó ngắn hạn: 5.272,06 tỷ đồng, trung dài hạn: 5.984,01 tỷ đồng), tăng 0,76% so cuối quý trước và tăng 3,74% so với đầu năm, chiếm 91,60% dự nợ cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (Dự nợ cho vay lĩnh vực No&NT tăng 5,25% so đầu năm, dự nợ toàn địa bàn tăng 2,43% so đầu năm); tỷ lệ nợ xấu chiếm 0,36% trong tổng dự nợ cho vay đối với 235 xã (tỷ lệ nợ xấu toàn địa bàn là 1,85%). Số khách hàng còn dự nợ: 233.992 (hộ dân: 233.592, doanh nghiệp: 400). Tăng trưởng dự nợ cho vay XD NTM tháng sau so với tháng trước như sau: T1 +0,35%, T2 +0,33%, T3 +2,27%, T4 -0,48%, T5 + 0,14%.

- Cơ cấu dự nợ theo TCTD cho vay như sau:

NH NNo&PTNT HT: dự nợ 7.024,68 tỷ đồng, chiếm 62,40% tổng dự nợ cho vay 235 xã, tăng 0,7% so quý trước và tăng 2,23% so đầu năm với 94.532 KH còn dự nợ. NHCSXH tỉnh: dự nợ 2.995,25 tỷ đồng, chiếm 26,60% tổng dự nợ cho vay 235 xã, giảm 0,77% so quý trước và tăng 6,30% đầu năm với 143.037125.041 KH còn dự nợ. NHNT HT: dự nợ 349,62 tỷ đồng, chiếm 3,10% tổng dự nợ cho vay 235 xã, giảm 3,49% so quý trước và giảm 1,92% so đầu năm với 469 KH còn dự nợ. NHCT HT: dự nợ 53,13 tỷ đồng, chiếm 0,47% tổng dự nợ cho vay 235 xã, tăng 31,17% so quý trước và giảm 2,38% so đầu năm với 61 KH còn dự nợ. NH ĐT&PT HT: dự nợ 88,19 tỷ đồng, chiếm 0,78% tổng dự nợ cho vay 235 xã, tăng 58,08% so quý trước và tăng 52,60% so đầu năm với 181 KH còn dự nợ. NH SGTHT HT: dự nợ 55,68 tỷ đồng, chiếm 0,48% tổng dự nợ cho vay 235 xã, giảm 4,96% so quý trước và giảm 2,81% so đầu năm với 1.725 KH còn dự nợ. Các QTDNDCS: dự nợ 689,50 tỷ đồng, chiếm 6,17% tổng dự nợ cho vay 235 xã, tăng 4,53% so quý trước và tăng 8,64% so đầu năm với 11.983 KH còn dự nợ.

- Cơ cấu dự nợ phân theo mục đích cho vay: cho vay hộ SXKD chiếm 58,84%; cho vay làm đường nông thôn chiếm 0,54%; cho vay xây dựng hệ thống thủy lợi chiếm 0,34%; cho vay xây dựng hệ thống trạm điện chiếm 0,05%; cho vay xây dựng nhà ở chiếm 10,74%; cho vay hộ nghèo chiếm 7,32%; cho vay nước sạch và VSMT chiếm 1,88% và cho vay khác chiếm 20,29%.

## **3. Kết quả cho vay hỗ trợ lãi suất theo QĐ 26 và QĐ 09 của UBND tỉnh đến 31/5/2014:**



- Trong tháng 5/2014: DSCV được HTLS đạt 57,92 tỷ đồng, số tiền lãi phải hỗ trợ 2,23 tỷ đồng với 527 lượt khách hàng được HTLS (Trong quý 1/2014, DSCV đạt 116,26 tỷ đồng, số tiền lãi đã và sẽ hỗ trợ đạt 7,02 tỷ đồng với 1.349 lượt khách hàng được HTLS).

- Lũy kế từ khi triển khai QĐ 26 (21/6/2012) đến 31/5/2014: DSCV đạt 1.075,80 tỷ, lũy kế số tiền lãi đã và sẽ hỗ trợ 39,54 tỷ đồng với 13.404 lượt khách hàng được HTLS (trong đó có 07 lượt doanh nghiệp, 30 lượt HTX, 24 lượt chủ trang trại và 13.343 lượt cá nhân, hộ gia đình).

- Dư nợ: 747,01 tỷ đồng, tăng 16,09% so đầu năm; 10.047 khách hàng còn dư nợ (trong đó: 03 DN, 22 HTX, 13 chủ trang trại, 10.009 cá nhân, hộ gia đình).

- Có 03 NHTM và 10 QTDND cho vay HTLS theo QĐ 26, dư nợ như sau: NHNo&PTNT: 681,61 tỷ đồng với 9.439 KH còn dư nợ; NHCT HT: 11,84 tỷ đồng với 09 KH còn dư nợ; NHNT HT: 18,17 tỷ đồng với 03 KH còn dư nợ; QTDND Bắc sơn: 8,95 tỷ đồng với 138 KH còn dư nợ; QTDND Cẩm yên: 2,49 tỷ đồng với 63 KH còn dư nợ; QTDND Liên Đức: 3,84 tỷ đồng với 158 KH còn dư nợ; QTDND Thiên Lộc: 7,44 tỷ đồng với 114 KH còn dư nợ; QTDND Thạch Trung – Nguyễn Du: 0,76 tỷ đồng với 08 KH còn dư nợ; QTDND Kỳ Phú: 0,09 tỷ đồng với 01 KH còn dư nợ; QTDND Kỳ Khang: 1,84 tỷ đồng với 12 KH còn dư nợ; QTDND Cẩm Hòa: 0,51 tỷ đồng với 5 KH còn dư nợ; QTDND Cẩm Thành: 3,08 tỷ đồng với 64 KH còn dư nợ và QTD Thạch Mỹ: 6,35 tỷ đồng với 33 KH còn dư nợ.

## **II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:**

Thực hiện QĐ số 15/QĐ-BCĐ ngày 10/3/2014 của Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM tỉnh ban hành Quy định về chế độ báo cáo thực hiện Chương trình MTQG XDNTM, trong thời gian qua NHNN tỉnh đã chỉ đạo các TCTD thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng tuần về NHNN tỉnh theo QĐ 15 để báo cáo Văn phòng điều phối chương trình NTM tỉnh. Tuy nhiên qua quá trình thực hiện có một số vướng mắc đề nghị Ban chỉ đạo NTM tỉnh xem xét: Báo cáo số liệu cho vay theo QĐ 26, 09 nay là QĐ 23 của UBND tỉnh chủ yếu tập trung ở NHNo&PTNT và các QTDND, chương trình phần mềm kế toán theo dõi QĐ này không có, chủ yếu theo dõi bằng thủ công, nên việc cung cấp số liệu hằng tuần như quy định rất khó thực hiện và số liệu không chính xác. NHNN tỉnh đề nghị Ban Chỉ đạo NTM tỉnh nghiên cứu xem xét báo cáo định kỳ cho vay đối với QĐ 23 của UBND tỉnh tháng 02 kỳ (15 ngày đầu tháng, báo cáo gửi ngày liền kề của ngày báo cáo và báo cáo cuối tháng) để tạo điều kiện cho các TCTD trong việc cung cấp thông tin cũng như đảm bảo số liệu chính xác giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước nắm bắt kịp thời, chỉ đạo đúng định hướng của UBND tỉnh.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI:**

1. Tiếp tục triển khai, quán triệt kịp thời và chỉ đạo thực hiện hiệu quả các văn bản có liên quan đến chương trình MTQG XDNTM của TW, tỉnh và ngành đến các TCTD trên địa bàn. Đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền các cơ chế, chính sách liên quan đến XD NTM, hỗ trợ lãi suất trên các phương tiện truyền thông (Báo Hà Tĩnh, Đài phát thanh & Truyền hình tỉnh, trang website của NHNN tỉnh) để người dân nắm thông tin, chủ động trong quan hệ tín dụng với các TCTD.

2. Đối với hoạt động tài trợ, đỡ đầu XDNTM:



- Đối với xã Cẩm Lạc: Tiếp tục phối hợp với các đơn vị đồng tài trợ thực hiện các hoạt động tài trợ, đỡ đầu xã Cẩm Lạc XDNTM theo Quy chế đã ký kết, giúp xã về đích đúng lộ trình.

- Theo dõi tiến độ thực hiện các cam kết tài trợ, đỡ đầu đã ký giữa các NHTM và các xã XDNTM, đôn đốc các NHTM báo cáo kết quả các hoạt động tài trợ, đỡ đầu, từ thiện, an sinh XH về NHNN tỉnh để kịp thời tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và VPĐP tỉnh.

3. Tiếp tục phối hợp với Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh để cung cấp thông tin về hoạt động ngân hàng, trả lời kịp thời các kiến nghị của cư tri có liên quan đến hoạt động ngân hàng, nhằm thực hiện tốt quy chế phối hợp cung cấp thông tin giữa NHNN tỉnh và Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình cho vay tại các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn hàng tháng, hàng quý và đột xuất gửi NHTW, Ban Chỉ đạo CT MTQG XDNTM tỉnh đảm bảo đúng thời gian quy định và có chất lượng.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Đ/c Nguyễn Thiện – PCT TT UBND tỉnh (để b/c);
- Đ/c Lê Đình Sơn-PBCĐ-PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Ban Giám đốc NHNN;
- Tổ Công tác của ngành NH;
- Lưu: TH & VT.

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Đức Tuấn**



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY (THEO MỤC ĐÍCH, CHƯƠNG TRÌNH VAY)  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN**

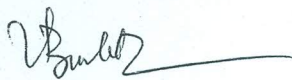
Tháng 5/2014

Đơn vị: Triệu đồng, %, hộ dân, doanh nghiệp

Chi tiêu	Doanh số cho vay lũy kế từ đầu năm đến cuối	Doanh số thu nợ lũy kế từ đầu năm đến cuối	Dư nợ			Dư nợ xấu (Nhóm 3-5)	Khách hàng còn dư nợ	
			Tổng dư nợ đến cuối tháng	Trong đó:			Hộ dân	Doanh nghiệp
				Ngắn hạn	Trung, dài hạn			
<b>I Nhóm 19 xã về đích năm 2014</b>	<b>395 800</b>	<b>351 186</b>	<b>869 619</b>	<b>425 482</b>	<b>444 137</b>	<b>2 022</b>	<b>19 009</b>	<b>12</b>
1 Cho vay hộ sản xuất kinh doanh	288 384	253 551	502 436	321 151	181 285	1 056	7 545	5
2 Cho vay làm đường nông thôn	0	9 000	6 300	6 300	0	0	0	1
3 Cho vay xây dựng hệ thống thủy lợi	0	0	0	0	0	0	0	0
4 Cho vay xây dựng hệ thống trạm điện	0	0	0	0	0	0	0	0
5 Cho vay xây dựng chợ nông thôn	0	0	0	0	0	0	0	0
6 Cho vay xây dựng nhà ở	47 836	34 245	125 238	74 067	51 171	272	1 850	0
7 Cho vay hộ nghèo	4 895	8 069	59 043	0	59 043	243	2 487	0
8 Cho vay nước sạch và VSMTNT	7 645	3 627	27 091	0	27 091	16	3 007	0
9 Cho vay khác	47 040	42 694	149 511	23 964	125 547	435	4 120	6
<b>II Nhóm 22 xã về đích năm 2015</b>	<b>399 950</b>	<b>381 607</b>	<b>846 341</b>	<b>385 760</b>	<b>460 581</b>	<b>3 881</b>	<b>19 734</b>	<b>28</b>
1 Cho vay hộ sản xuất kinh doanh	267 490	276 444	424 128	263 596	160 532	2 422	6 829	24
2 Cho vay làm đường nông thôn	0	0	0	0	0	0	0	0
3 Cho vay xây dựng hệ thống thủy lợi	0	0	0	0	0	0	0	0
4 Cho vay xây dựng hệ thống trạm điện	0	0	0	0	0	0	0	0
5 Cho vay xây dựng chợ nông thôn	0	0	0	0	0	0	0	0
6 Cho vay xây dựng nhà ở	33 052	19 553	104 536	63 070	41 466	604	1 943	0
7 Cho vay hộ nghèo	11 236	17 616	62 314	96	62 218	271	2 901	0
8 Cho vay nước sạch và VSMTNT	4 983	4 231	26 313	0	26 313	18	2 765	0
9 Cho vay khác	83 189	63 763	229 050	58 998	170 052	566	5 296	4
<b>III Nhóm các xã XD NTM còn lại</b>	<b>4 157 924</b>	<b>3 830 790</b>	<b>9 540 116</b>	<b>4 460 824</b>	<b>5 079 292</b>	<b>35 267</b>	<b>194 849</b>	<b>360</b>
1 Cho vay hộ sản xuất kinh doanh	3 547 781	3 503 819	5 697 273	3 593 509	2 103 764	25 897	82 657	240
2 Cho vay làm đường nông thôn	0	0	54 911	22 457	32 454	0	0	20
3 Cho vay xây dựng hệ thống thủy lợi	0	0	38 832	22 306	16 526	0	0	8
4 Cho vay xây dựng hệ thống trạm điện	0	0	6 628	6 628	0	0	0	9
5 Cho vay xây dựng chợ nông thôn	0	0	0	0	0	0	0	0
6 Cho vay xây dựng nhà ở	189 804	113 588	979 638	426 095	553 543	3 991	20 944	42
7 Cho vay hộ nghèo	59 564	60 910	702 689	105	702 584	2 243	26 993	0
8 Cho vay nước sạch và VSMTNT	36 238	14 383	159 461	8	159 453	128	19 692	0
9 Cho vay khác	324 537	138 090	1 900 684	389 716	1 510 968	3 008	44 563	41
<b>Tổng (*)</b>	<b>4 953 674</b>	<b>4 563 583</b>	<b>11 256 076</b>	<b>5 272 066</b>	<b>5 984 010</b>	<b>41 170</b>	<b>233 592</b>	<b>400</b>

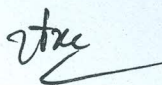
Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 5 năm 2014

LẬP BIỂU



Bùi Hồng Thùy Linh  
(0985.722.922)

KIỂM SOÁT



Bùi Thị Huệ



KT, GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
Lê Đức Tuấn



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY (THEO ĐỊA PHƯƠNG)  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN  
Tháng 5/2014**

Đơn vị: Triệu đồng, %, hộ dân, doanh nghiệp

Xã	Doanh số cho vay lũy kế từ đầu năm	Doanh số thu nợ lũy kế từ đầu năm đến	Dư nợ			Dư nợ xấu (Nhóm 3-5)	Số Khách hàng	
			Tổng dư nợ đến cuối tháng BC	Trong đó:			Hộ dân	Doanh nghiệp
				Ngắn hạn	Trung, dài hạn			
<b>I. Nhóm 19 xã về đích 2014</b>	<b>395 800</b>	<b>351 186</b>	<b>869 619</b>	<b>425 482</b>	<b>444 137</b>	<b>2 022</b>	<b>19 009</b>	<b>12</b>
Xã Kỳ Trung (Kỳ Anh)	6 378	4 967	16 378	5 354	11 024	112	554	0
Xã Thạch Môn (TP.Hà Tĩnh)	10 616	9 993	21 278	14 928	6 350	27	480	4
Xã Xuân Mỹ (Nghị Xuân)	9 201	11 131	35 559	7 084	28 475	402	844	0
Xã Thạch Bằng (Lộc Hà)	50 523	30 652	118 718	67 646	51 072	32	1 773	1
Xã Hương Minh (Vũ Quang)	9 218	11 179	25 481	4 764	20 717	23	779	0
Xã Sơn Châu (Hương Sơn)	13 558	11 092	29 791	6 801	22 990	103	633	0
Xã Sơn Kim I (Hương Sơn)	58 119	63 721	123 626	86 931	36 695	137	1 187	1
Xã Khánh Lộc (Can Lộc)	16 014	13 641	36 778	14 197	22 581	1	979	1
Xã Thanh Lộc (Can Lộc)	12 742	11 713	27 855	7 114	20 741	15	960	0
Xã Thạch Tân (Thạch Hà)	14 423	10 368	32 849	13 046	19 803	301	874	1
Xã Phù Việt (Thạch Hà)	12 151	10 742	27 715	11 274	16 441	30	837	0
Xã Hương Trà (Hương Khê)	15 173	13 653	35 389	15 476	19 913	75	813	0
Xã Gia Phố (Hương Khê)	19 375	19 091	45 432	20 463	24 969	224	1 276	0
Xã Cẩm Thành (Cẩm Xuyên)	49 546	40 311	95 827	57 659	38 168	189	2 413	0
Xã Cẩm Thăng (Cẩm Xuyên)	11 767	5 155	22 734	10 991	11 743	240	783	0
Xã Cẩm Yên (Cẩm Xuyên)	29 312	25 782	51 019	28 322	22 697	103	1 624	0
Xã Đức Lạng (Đức Thọ)	9 510	11 803	32 619	5 275	27 344	0	662	0
Xã Trường Sơn (Đức Thọ)	31 739	28 770	57 944	31 415	26 529	8	932	2
Xã Yên Hồ (Đức Thọ)	16 435	17 422	32 627	16 742	15 885	0	606	2
<b>II. Nhóm 22 xã về đích 2015</b>	<b>399 950</b>	<b>381 607</b>	<b>846 341</b>	<b>385 760</b>	<b>460 581</b>	<b>3 881</b>	<b>19 734</b>	<b>28</b>
Xã Thạch Bình (TP.Hà Tĩnh)	16 135	14 349	21 394	9 478	11 916	43	512	2
Xã Hộ Độ (Lộc Hà)	27 020	20 013	71 125	40 109	31 016	780	1 705	0
Xã Quang Lộc (Can Lộc)	15 708	18 113	30 456	9 263	21 193	64	949	0
Xã Đồng Lộc (Can Lộc)	18 960	16 696	38 005	13 819	24 186	59	959	1
Xã Xuân Viên (Nghị Xuân)	12 552	11 776	38 819	11 138	27 681	154	944	0
Xã Xuân Lĩnh (Nghị Xuân)	11 924	12 881	23 608	9 726	13 882	99	570	0
Xã Thái Yên (Đức Thọ)	42 037	36 109	70 761	36 047	34 714	180	1 023	2
Xã Trung Lễ (Đức Thọ)	23 828	19 755	36 186	24 405	11 781	22	810	1
Xã Sơn Bằng (Hương Sơn)	6 304	8 289	17 010	4 663	12 347	24	510	0
Xã Sơn Trung (Hương Sơn)	5 709	4 470	27 037	5 430	21 607	152	723	0
Xã Phúc Trạch (Hương Khê)	13 458	12 210	33 495	8 510	24 985	127	1 060	0
Xã Phú Phong (Hương Khê)	25 718	30 251	44 605	24 689	19 916	154	798	5
Xã Ân Phú (Vũ Quang)	5 044	5 793	11 928	3 011	8 917	0	367	0
Xã Đức Lĩnh (Vũ Quang)	6 566	5 818	40 563	7 562	33 001	20	1 184	0
Xã Cẩm Nam (Cẩm Xuyên)	12 703	13 574	26 058	12 101	13 957	76	893	1
Xã Cẩm Lạc (Cẩm Xuyên)	26 116	17 319	35 257	14 320	20 937	51	1 460	1
Xã Thạch Long (Thạch Hà)	13 498	11 710	34 169	14 311	19 858	41	903	0
Xã Thạch Đài (Thạch Hà)	15 553	14 156	41 287	18 232	23 055	94	1 176	0
Xã Trượng Sơn (Thạch Hà)	11 852	10 289	26 500	11 243	15 257	55	756	0
Xã Kỳ Phương (Kỳ Anh)	22 544	18 788	61 870	47 880	13 990	1 131	508	12
Xã Kỳ Bắc (Kỳ Anh)	41 903	42 120	77 346	37 812	39 534	417	1 099	1
Xã Kỳ Thu (Kỳ Anh)	24 818	37 128	38 862	22 011	16 851	138	825	2
<b>III. Nhóm các xã còn lại</b>	<b>4 157 924</b>	<b>3 830 790</b>	<b>9 540 116</b>	<b>4 460 824</b>	<b>5 079 292</b>	<b>35 267</b>	<b>194 849</b>	<b>360</b>

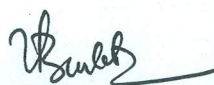


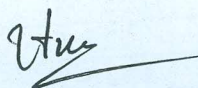
Xã	Doanh số cho vay lũy kế từ đầu năm	Doanh số thu nợ lũy kế từ đầu năm đến	Dư nợ			Dư nợ xấu (Nhóm 3-5)	Số Khách hàng	
			Tổng dư nợ đến cuối tháng BC	Trong đó:			Hộ dân	Doan h nghie
				Ngắn hạn	Trung, dài hạn			
1-Huyện Kỳ Anh	839 072	750 376	1 837 103	990 696	846 407	7 251	30 422	82
2-Huyện Cẩm Xuyên	336 949	300 461	870 428	409 220	461 208	2 856	25 574	6
3-Huyện Thạch Hà	244 950	226 883	670 975	227 686	443 289	1 770	20 607	0
4-Huyện Can Lộc	250 050	194 967	698 037	254 869	443 168	1 290	20 477	14
5-Huyện Lộc Hà	277 287	281 249	624 578	323 568	301 010	1 469	15 236	0
6-Huyện Nghi Xuân	378 018	352 315	744 994	371 269	373 725	1 257	15 208	10
7-Huyện Đức Thọ	296 290	271 963	693 926	361 937	331 989	2 189	15 901	23
8-Huyện Hương Khê	346 121	318 478	834 988	304 877	530 111	3 287	17 994	7
9-Huyện Hương Sơn	457 619	425 247	1 098 158	515 342	582 816	4 433	18 333	24
10-Huyện Vũ Quang	77 637	73 785	188 075	49 404	138 671	372	4 953	7
11-TP. Hà Tĩnh	442 365	424 599	877 624	343 209	534 415	7 837	6 914	141
12-TX. Hồng Lĩnh	211 566	210 467	401 230	308 747	92 483	1 256	3 230	46
<b>Tổng cộng</b>	<b>4 953 674</b>	<b>4 563 583</b>	<b>11 256 076</b>	<b>5 272 066</b>	<b>5 984 010</b>	<b>41 170</b>	<b>233 592</b>	<b>400</b>

Hà Tĩnh, ngày 18 Tháng 5 Năm 2014

LẬP BIỂU

KIỂM SOÁT





Bùi Hồng Thùy Linh

Bùi Thị Huệ





**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY (THEO MỤC ĐÍCH, CHƯƠNG TRÌNH VAY)  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN  
(Kèm theo báo cáo số 396/NHNN-HT14 ngày 18/5/2014)  
Tháng 5/2014**

Đơn vị: Triệu đồng, hộ dân, doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Doanh số cho vay lũy kế từ đầu năm báo cáo	Doanh số thu nợ lũy kế từ đầu năm báo cáo	Dư nợ					Dư nợ xấu (Nhóm 3-5)	Khách hàng còn dư nợ	
			Tổng dư nợ đến cuối tháng BC	%+/- so DN cuối quý trước	%+/- so DN đầu năm	Trong đó:			Hộ dân	Doanh nghiệp
						Ngắn hạn	Trung, dài hạn			
<b>I Theo mục đích cho vay</b>	<b>4 953 674</b>	<b>4 563 583</b>	<b>11 256 076</b>	<b>0,76</b>	<b>3,74</b>	<b>5 272 066</b>	<b>5 984 010</b>	<b>41 170</b>	<b>233 592</b>	<b>400</b>
1 Cho vay hộ sản xuất kinh doanh	4 103 655	4 033 814	6 623 837	2,93	3,79	4 178 256	2 445 581	29 375	233 592	400
2 Cho vay làm đường nông thôn	0	9 000	61 211	-13,51	-13,51	28 757	32 454	0	97 031	269
3 Cho vay xây dựng hệ thống thủy lợi	0	0	38 832	-0,38	-0,38	22 306	16 526	0	0	21
4 Cho vay xây dựng hệ thống trạm điện	0	0	6 628	-28,18	-19,45	6 628	0	0	0	8
5 Cho vay xây dựng chợ nông thôn	0	0	0	0,00	0,00	0	0	0	0	9
6 Cho vay xây dựng nhà ở	270 692	167 386	1 209 412	-1,46	2,10	563 232	646 180	4 867	24 737	0
7 Cho vay hộ nghèo	75 695	86 595	824 046	-6,27	-3,97	201	823 845	2 757	32 381	42
8 Cho vay nước sạch và VSMTNT	48 866	22 241	212 865	-22,34	-16,88	8	212 857	162	25 464	0
9 Cho vay khác	454 766	244 547	2 279 245	1,90	11,13	472 678	1 806 567	4 009	53 979	51
<b>II Theo TCTD cho vay</b>	<b>4 953 674</b>	<b>4 563 583</b>	<b>11 256 076</b>	<b>0,76</b>	<b>3,74</b>	<b>5 272 066</b>	<b>5 984 010</b>	<b>41 170</b>	<b>233 592</b>	<b>400</b>
1 NH No&PTNT HT	3 821 769	3 668 409	7 024 680	0,70	2,23	4 224 009	2 800 671	34 518	94 227	305
2 NH CSXH tỉnh	431 393	254 008	2 995 253	-0,77	6,30	3 222	2 992 031	5 838	125 035	6
3 NH Ngoại Thương HT	35 883	41 918	349 629	-3,49	-1,92	281 082	68 547	0	394	75
4 NH Công Thương HT	62 913	64 210	53 134	31,17	-2,38	53 134	0	0	60	1
5 NH Đầu tư & Phát triển HT	76 979	66 610	88 197	58,08	52,60	86 886	1 311	0	168	13
6 NH Sài Gòn Thương Tín HT	5 578	4 098	55 683	-4,96	-2,81	0	55 683	0	1 725	0
7 QTDNDCS	519 159	464 330	689 500	4,53	8,64	623 733	65 767	814	11 983	0

LẬP BIỂU



Bùi Hồng Thùy Linh

KIỂM SOÁT



Bùi Thị Huệ

